

Số: 470/QĐ-HVTTNVN

Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành thông tin tuyển sinh năm 2025
của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam**

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN THANH THIẾU NIÊN VIỆT NAM

Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cấp Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam thành cơ sở giáo dục đại học công lập trong hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018; Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐHV ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng Học viện về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 422/QĐ-HVTTNVN ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Giám đốc Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam về ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Hợp tác quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành theo Quyết định này Thông tin tuyển sinh năm 2025 của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Điều 3. Các Khoa/Phòng/Trung tâm và các đơn vị trực thuộc Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam căn cứ chức năng, nhiệm vụ để tổ chức thực hiện Thông tin tuyển sinh đảm bảo đúng quy định, hiệu quả./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu TC-HC.

PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH



Hoàng Minh Tuấn

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2025
(Hình thức đào tạo: Đại học chính quy)

I. THÔNG TIN CHUNG (tính đến thời điểm xây dựng kế hoạch tuyển sinh)

1. Tên cơ sở đào tạo: HỌC VIỆN THANH THIẾU NIÊN VIỆT NAM

Tên tiếng Anh: Vietnam Youth Academy

2. Mã trường: HTN

3. Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu):

STT	Loại cơ sở đào tạo	Tên cơ sở đào tạo	Mã trường	Địa điểm
1	Cơ sở đào tạo chính	Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam	HTN	Số 58 Nguyễn Chí Thanh - Số 3 Chùa Láng, Đống Đa, Hà Nội
2	Phân hiệu	Phân hiệu Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh	HTH	261 Hoàng Hữu Nam, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo: <https://vya.edu.vn>

5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0989770066

Địa chỉ các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo (có thông tin tuyển sinh):
<https://tuyensinh.vya.edu.vn>

<https://www.facebook.com/hocvienthanhnienvietnam>

6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh, đề án tuyển sinh

<https://tuyensinh.vya.edu.vn/quy-che-tuyen-sinh-dai-hoc-2025-vya>

<https://tuyensinh.vya.edu.vn/ban-hanh-du-thao-de-an-tuyen-sinh-nam-2025>

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo

Chương trình đào tạo: <https://vya.edu.vn/chuong-trinh-dao-cao-hvttvn>

Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://vya.edu.vn/cong-khai-clgd>

Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được xác định theo từng ngành, lĩnh vực đào tạo, được khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm trước cách năm tuyển sinh một năm.

Lĩnh vực/ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm
Khoa học xã hội và hành vi		300	103	53	
Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Đại học	200	54	26	92
Quản lý nhà nước	Đại học	100	49	27	93
Tâm lý học	Đại học	0	0	0	0
Dịch vụ xã hội		500	155	76	
Công tác xã hội	Đại học	200	64	30	97
Công tác thanh thiếu niên	Đại học	300	91	46	93
Báo chí và thông tin		100	120	45	89
Quan hệ công chúng	Đại học	100	120	45	89
Pháp luật		200	190	103	
Luật	Đại học	200	190	103	83

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

<https://tuyensinh.vya.edu.vn/vya-ban-hanh-de-an-tuyen-sinh-2024>

<https://tuyensinhvya.edu.vn/de-an-tuyen-sinh-vya-nam-2023>

Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

STT	Năm tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh			
		Thi tuyển	Xét tuyển	Kết hợp thi tuyển và xét tuyển	Ghi chú
1	Năm tuyển sinh 2023		x		
2	Năm tuyển sinh 2024		x		

Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Công tác thanh thiếu niên	7760102	661/QĐ-BGDĐT	17/02/2012	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2012	2024
2	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7310202	661/QĐ-BGDĐT	17/02/2012	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2012	2024
3	Tâm lý học	7310401	2002/QĐ- BGDĐT	20/07/2020	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2020	2024
4	Luật	7380101	4450/QĐ-BGDĐT	20/10/2017	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2017	2024
5	Công tác xã hội	7760101	3274/QĐ- BGDĐT	24/08/2012	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2012	2024
6	Quản lý nhà nước	7310205	4450/QĐ-BGDĐT	20/10/2017	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2017	2024
7	Quan hệ công chúng	7320108	4450/QĐ-BGDĐT	20/10/2017	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2017	2024
8	Kinh tế	7310101	185/QĐ-HVTTNVN	12/03/2025	Tự chủ mở ngành	2025	2025
9	Công nghệ thông tin	7480201	185/QĐ-HVTTNVN	12/03/2025	Tự chủ mở ngành	2025	2025

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

Đối tượng, điều kiện tuyển sinh thực hiện theo quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Học viện, cụ thể như sau:

- Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển, bao gồm:

Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

- Điều kiện dự tuyển:

Đối tượng dự tuyển được đề cập tại mục này phải đáp ứng các điều kiện sau:

Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại văn bản này;

Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

Đối với thí sinh khuyết tật bị suy giảm khả năng học tập, Học viện sẽ thực hiện các biện pháp cần thiết và tạo điều kiện tốt nhất để thí sinh có nguyện vọng được đăng ký dự tuyển và theo học các ngành phù hợp với điều kiện sức khỏe của thí sinh.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh

Năm 2025 Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam tuyển sinh đại học chính quy theo các phương thức sau đây:

Phương thức 1: Xét tuyển thẳng (theo Điều 8 quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Phương thức 2: Xét tuyển dựa trên kết quả học tập của bậc THPT

- Cách thức xét tuyển: Xét từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu dựa trên kết quả học tập 3 môn thuộc các tổ hợp xét tuyển theo ngành của cả năm lớp 12.

- Điểm xét tuyển theo thang điểm 30.

- Công thức tính điểm xét tuyển như sau:

$$\text{ĐXT} = (\text{ĐTB Môn 1} + \text{ĐTB Môn 2} + \text{ĐTB Môn 3})$$

(Trong đó, ĐXT: Điểm xét tuyển; ĐTB: Điểm trung bình).

- Tổng điểm trung bình cả năm lớp 12 của 03 môn trong tổ hợp xét tuyển đạt từ 20 điểm trở lên (*không bao gồm điểm ưu tiên, chi tiết điểm sàn xét tuyển từng ngành theo phương thức kết quả học tập THPT sẽ được Học viện công khai trong thông báo điểm sàn xét tuyển*).

Phương thức 3: Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025

- Thí sinh đủ điều kiện về đối tượng tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo được tham gia xét tuyển.

- Điểm xét tuyển theo thang điểm 30, bằng tổng điểm 3 môn trong tổ hợp xét tuyển và điểm cộng (nếu có).

- Điểm ưu tiên và điểm cộng được xác định theo quy định tại Điều 7, Văn bản hợp nhất số 02/VBHN- BGDDT ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non và theo Quy chế tuyển sinh của Học viện;

- Tham gia kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025.

- Đạt từ 15 điểm trở lên và không có môn thi trong tổ hợp bị liệt. *(chi tiết điểm sàn xét tuyển từng ngành theo phương thức kết quả thi tốt nghiệp THPT sẽ được Học viện công khai trong thông báo điểm sàn xét tuyển).*

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm.

Học viện sẽ công bố quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển sau khi có kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh.

4.1 Chỉ tiêu và phương thức tuyển sinh năm 2025

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển	Phương thức tuyển sinh
1	7760102	Công tác Thanh thiếu niên	7760102	Công tác Thanh thiếu niên	170	C00, C20, D01, X74, X70, X21	100, 200, 301
2	7760101	Công tác Xã hội	7760101	Công tác Xã hội	150	C00, C20, D01, A09, X74, X21	100, 200, 301
3	7380101	Luật	7380101	Luật	300	C00, C20, D01, X74, A00, X21	100, 200, 301
4	7320108	Quan hệ Công chúng	7320108	Quan hệ Công chúng	300	C00, C20, D01, D15, X74, X21	100, 200, 301
5	7310205	Quản lý Nhà nước	7310205	Quản lý Nhà nước	180	C00, C20, D01, X74, A09, X21	100, 200, 301

6	7310401	Tâm lý học	7310401	Tâm lý học	150	C00, C20, D01, A09, X74, X21	100, 200, 301
7	7310202	Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước	7310202	Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước	180	C00, C20, D01, X74, A09, X21	100, 200, 301
8	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	130	D01, A00, X21, D10, A01, A04	100, 200, 301
9	7310101	Kinh tế	7310101	Kinh tế	150	D01, A00, X21, D10, A01, A04	100, 200, 301
Tổng					1710		
Học viện dành 2% chỉ tiêu cho phương thức xét tuyển thẳng theo Điều 8, trong trường hợp phương thức xét tuyển thẳng tuyển không đủ chỉ tiêu thì chỉ tiêu còn lại được chuyển sang cho các phương thức xét tuyển khác.							

4.2 Mã tổ hợp xét tuyển:

STT	MÃ TỔ HỢP	TÊN TỔ HỢP
1	A00	Toán, Lý, Hóa
2	A01	Toán, Vật lí, Anh
3	A04	Toán, Vật lí, Địa lí
4	A09	Toán, Địa, GD&ĐT
5	C00	Văn, Sử, Địa
6	C20	Văn, Địa, GD&ĐT
7	D01	Văn, Toán, Anh
8	D10	Toán, Địa, Anh
9	D15	Văn, Địa, Anh
10	X21	Toán, Địa, GD&ĐT&PL
11	X70	Văn, Sử, GD&ĐT&PL
12	X74	Văn, Địa, GD&ĐT&PL

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào Học viện

Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

Nguyên tắc xét tuyển:

- Đối với mỗi phương thức xét tuyển, thí sinh đều được đăng ký không giới hạn nguyện vọng (NV) theo ngành. Thí sinh phải xếp thứ tự NV từ cao xuống thấp (NV ưu tiên cao nhất là NV1).

- Học viện xét tuyển theo phương thức xét tuyển, mà ngành/chương trình, lấy điểm từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu, không phân biệt thứ tự NV giữa các thí sinh.

- Trường hợp thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển ở nhiều NV thì sẽ lấy kết quả trúng tuyển theo NV có mức độ ưu tiên cao nhất trong số các NV đủ điều kiện trúng tuyển. Nếu đã trúng tuyển NV có ưu tiên cao hơn, thí sinh sẽ không được xét các NV có mức độ ưu tiên tiếp theo.

- Trường hợp nhiều thí sinh cùng mức điểm sẽ xét theo tiêu chí phụ là thứ tự nguyện vọng đăng ký xét tuyển: thí sinh có nguyện vọng ưu tiên cao hơn sẽ trúng tuyển.

- Nếu xét tuyển theo mỗi ngành, địa điểm đào tạo không đủ chỉ tiêu thì chỉ tiêu còn lại được chuyển sang cho các ngành, địa điểm đào tạo khác.

6. Tổ chức tuyển sinh.

Theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện.

- Đăng ký nguyện vọng xét tuyển: Theo kế hoạch thông báo của Học viện và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thời gian xét tuyển lọc ảo và công bố kết quả: Theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Chính sách ưu tiên

7.1 Xét tuyển thẳng

Trường áp dụng các quy định theo Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BGDĐT ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non và theo Quy chế tuyển sinh của Học viện, cụ thể như sau:

- Các thí sinh sau đây được xét tuyển thẳng vào Học viện Thanh thiếu niên Việt

Nam thuộc diện không phải học bổ sung kiến thức bao gồm:

7.1.1. Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào các ngành, chương trình do Học viện quy định.

7.1.2. Thí sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi, cuộc thi, giải đấu cấp quốc gia hoặc quốc tế, do Bộ GDĐT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức, cử tham gia, được xét tuyển thẳng vào các ngành phù hợp với môn thi, nội dung đề tài hoặc nghề dự thi, thi đấu, đoạt giải; cụ thể trong các trường hợp sau:

a) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

b) Thí sinh đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc, mỹ thuật được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận; thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

c) Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á; thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

d) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cử đi; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng.

7.1.3. Thí sinh có bằng trung cấp ngành sư phạm loại giỏi trở lên, hoặc có bằng trung cấp ngành sư phạm loại khá và có ít nhất 02 năm làm việc đúng ngành được xét tuyển thẳng vào ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng.

7.1.4. Học viện căn cứ kết quả học tập cấp THPT của thí sinh và yêu cầu của ngành đào tạo để xem xét, quyết định nhận vào học những trường hợp quy định dưới đây (trường hợp cần nếu thiết kèm theo điều kiện thí sinh phải học 01 năm bổ

sung kiến thức trước khi vào học chính thức):

a) Thí sinh là người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định, có khả năng theo học một số ngành do Học viện quy định nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường;

b) Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ;

c) Thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

d) Thí sinh là người nước ngoài phải đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình, ngành đào tạo phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7.1.5. Học viện quy định hình thức ưu tiên xét tuyển khác đối với các trường hợp sau đây:

a) Thí sinh quy định tại khoản 1, 2 Điều này dự tuyển vào các ngành theo nguyện vọng (không dùng quyền ưu tiên tuyển thẳng);

b) Thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải tư trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dự tuyển vào ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi đã đoạt giải; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển;

c) Thí sinh đoạt huy chương vàng, bạc, đồng các giải thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Tổng cục Thể dục thể thao có quyết định công nhận là kiện tướng quốc gia dự tuyển vào các ngành thể dục thể thao phù hợp; thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển;

d) Thí sinh đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về ca, múa, nhạc, mỹ thuật dự tuyển vào các ngành nghệ thuật

phù hợp; thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển;

e) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba tại các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế dự tuyển vào các ngành phù hợp với nghề đã đoạt giải; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển.

7.2. Ưu tiên xét tuyển

Trường áp dụng các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về chính sách ưu tiên trong tuyển sinh (Điều 7, Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BGDĐT ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non và theo Quy chế tuyển sinh của Học viện).

8. Lệ phí xét tuyển

Lệ phí đăng ký nguyện vọng xét tuyển: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9. Cam kết của Học viện đối với thí sinh

Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam cam kết bảo đảm quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro (nếu có) theo pháp luật hiện hành của nhà nước, quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện.

10. Các nội dung khác

Đối với sinh viên học chương trình đại trà: Năm học 2025-2026 mức thu học phí dự kiến đối với Khối ngành III Luật là 1.590.000đ/tháng/sinh viên, Khối ngành VII là 1.690.000đ/tháng/sinh viên

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Năm 2024					Năm 2023				
					Tổ hợp	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển		Tổ hợp	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	
								100	200				100	200
1	7760102	Công tác Thanh thiếu niên	7760102	Công tác Thanh thiếu niên	C00	150	225	24.5	23	C00	150	182	17	20
					C20					C20				
					D01					D01				
					A09					A09				
2	7760101	Công tác Xã hội	7760101	Công tác Xã hội	C00	150	309	25.5	22	C00	150	156	17	20
					C20					C20				
					D01					D01				
					A09					A09				
3	7380101	Luật	7380101	Luật	C00	380	370	25.5	26	C00	380	366	22	24.5
					C20					C20				
					A09					A09				
					A00					A00				
4	7320108	Quan hệ Công chúng	7320108	Quan hệ Công chúng	C00	130	123	27.5	27.5	C00	330	523	24	25.5
					C20					C20				
					D01					D01				
					D66					D66				

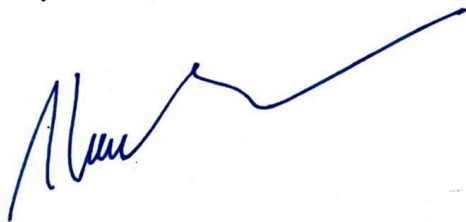
5	7310205	Quản lý Nhà nước	7310205	Quản lý Nhà nước	C00	150	186	25.5	23	C00	150	178	18	20
					C20					C20				
					D01					D01				
					A09					A09				
6	7310401	Tâm lý học	7310401	Tâm lý học	C00	110	101	26.5	26.5	C00	200	295	21	20
					C20					C20				
					D01					D01				
					A09					A09				
7	7310202	Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước	7310202	Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước	C00	150	236	24.5	21	C00	150	118	17	20
					C20					C20				
					D01					D01				
					A09					A09				

CÁN BỘ KÊ KHAI

(Ghi rõ họ tên, số điện thoại, liên hệ, địa chỉ Email)

Email: hieunguyen.vya@gmail.com

Số điện thoại: 0964.529.276



Nguyễn Công Hiếu

Hà Nội, Ngày 11 tháng 6 năm 2025

PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH



Hoàng Minh Tuấn